

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-6-2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn, chia  
tài sản chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Nguyễn Văn Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp TS, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Đào Thị Trúc L**, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp A, xã PC, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*. *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Bùi Văn Đ trình bày:* Anh và chị Đào Thị Trúc L tiến đến hôn nhân thông qua người làm mai, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng hơn 02 năm thì tổ chức đám cưới ngày 09-10-2019. Đến ngày 15-11-2019 thì đăng ký kết hôn tại xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mẹ vợ anh và vợ anh cho rằng khi anh cưới vợ cho ít vàng, ít tiền hơn so với những người chòm xóm và yêu cầu anh đi đâu, làm gì cũng phải báo cho vợ anh

biết nếu không thì chị L bỏ anh, làm cho anh và gia đình anh mất mặt. Ngoài ra, sau ngày cưới thì chị L cho rằng gia đình anh khó khăn, từ đó có ý định bỏ đi nên đòi về nhà mẹ ruột để mở tiệm tóc mặc dù bên gia đình anh có cửa tiệm bán bảo hiểm, tiền làm tóc chị L cũng tiêu xài cá nhân hết. Chị L cũng không phụ giúp công việc nhà bên anh. Sau thời gian chung sống, anh nhận thấy tính cách vợ anh nóng nảy, ngang ngược, vô lý nên từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã, chị L thường xúc phạm danh dự nhân phẩm anh và gia đình anh. Phía gia đình bên chị L còn ra nhà anh, báo cho chính quyền địa phương biết và bắt chị L về bên gia đình bên vợ sống. Anh và chị L không còn chung sống vợ chồng với nhau từ ngày 09-4-2020 cho đến nay, và từ đó đến nay vợ chồng cũng không hòa giải hàn gắn gì với nhau, anh cũng không có đến thăm chị L và rước chị L về. Anh và chị L không còn liên lạc, quan tâm gì với nhau nữa. Anh không đồng ý thuê nhà để sống với chị L vì anh sợ và không còn thương chị L nữa. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và đời sống vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Khi cưới, cha mẹ anh có cho chị L số vàng gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K và 02 chiếc vòng tay 04 chỉ vàng 24K còn 01 đôi nhẫn cưới mỗi chiếc 0,5 chỉ vàng 18K thì mỗi người đeo 01 chiếc, cha mẹ anh có cho vợ chồng 01 chỉ vàng 24K sau ngày dờ mâm trầu; tiền sắm đồ cưới dư vợ anh mua 01 chỉ vàng 24K. Nay anh chỉ yêu cầu chia số vàng 09 chỉ 24K gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K và 02 chiếc vòng tay 04 chỉ vàng 24K, hiện do chị L đang giữ nên anh yêu cầu chị L thối lại cho anh 4,5 chỉ vàng 24K vì chị L không làm vợ anh nữa, phần còn lại không yêu cầu chia.

*\*. Bị đơn, chị Đào Thị Trúc L trình bày:* Chị thống nhất về thời gian tìm hiểu, thời điểm đám cưới và kết hôn như anh Đ trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do cha mẹ chồng chị khó khăn với chị nhưng anh Đ không giải quyết được, việc gì cũng thông báo cho gia đình chị biết, còn anh Đ đi làm việc gì, bao nhiêu tiền cũng không nói cho chị biết, không có trách nhiệm gì với chị. Chị về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống khoảng 02 tháng trở lại đây, trong thời gian này chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng không ai quan tâm, liên lạc gì với nhau. Chị không đồng ý tiếp tục về nhà anh Đ sinh sống vì cha anh Đ không nhìn nhận chị là con dâu nữa, chị có yêu cầu anh Đ ra ngoài thuê nhà sinh sống nhiều lần nhưng anh Đ không đồng ý. Theo chị, nếu anh Đ nghe lời chị đi tìm nơi khác lập nghiệp thì vợ chồng có thể hàn gắn lại được. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn với chị, chị không đồng ý vì chị còn thương anh Đ, việc ly hôn là do gia đình anh Đ ép buộc anh Đ làm, và chị cũng muốn

cho anh Đ thời gian để suy nghĩ.

Về con chung, nợ chung: Chị L thống nhất không có.

Về tài sản chung: Vào ngày tổ chức lễ hỏi, cha mẹ chồng chị có cho cá nhân chị 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K và 02 chiếc vòng tay 04 chỉ vàng 24K còn 01 đôi nhẫn cưới mỗi chiếc 0,5 chỉ vàng 18K thì mỗi người đeo 01 chiếc, ngoài ra tiền đồ cưới thì cha mẹ chồng cầm đưa cho chị 8.000.000 đồng, chị sắm đồ cho chị và chồng của chị, còn lại bao nhiêu chị không nhớ nhưng mua được 01 chỉ vàng 24K. Còn anh Đ nói đỡ mâm trầu cha mẹ cho tiền là không có. Hiện nay chị có giữ 09 chỉ vàng 24K nêu trên và 01 chiếc nhẫn cưới 0,5 chỉ vàng 18K. Nay anh Đ yêu cầu chia 09 chỉ vàng 24K mỗi người một nửa chị không đồng ý vì khi cho thì cha mẹ anh Đ cho riêng chị và cho trước khi kết hôn.

Tại phiên tòa,

- Anh Bùi Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị L; yêu cầu chị L phải chia cho anh 04 chỉ vàng 24K, rút lại yêu cầu chia đôi số vàng đôi bông tai là 0,5 chỉ vàng 24K. Phía chị L không đồng ý ly hôn và chia số vàng cho anh Đ. Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Đ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, cho anh Đ được ly hôn với chị L, chị L có nghĩa vụ chia cho anh Đ 04 chỉ vàng 24K. Các vấn đề khác hai bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Bùi Văn Đ và chị Đào Thị Trúc L tranh chấp về ly hôn, chia tài sản; chị L cư trú tại ấp 6, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa anh Bùi Văn Đ và chị Đào Thị Trúc L là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 15-11-2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân được anh Đ nêu là do chị L có thái độ hành xử không đúng mực, đi nói xấu gia đình anh và anh nên từ đó tình cảm vợ chồng không còn, chị L cũng đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Phía chị L thì cho rằng vợ chồng ly hôn xuất phát từ cha mẹ chồng chị khó khăn, anh Đ biết nhưng nghe lời gia đình, không có biện pháp giải quyết, chị không sống nổi nên phải về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Từ đó, anh Đ, chị L không còn chung sống vợ chồng với nhau từ ngày 09-4-2020 cho đến nay, và hai bên cũng không còn quan tâm gì đến nhau.

Xét tình cảm vợ chồng của anh Đ đối với chị L hiện nay đã không còn vì anh Đ cương quyết ly hôn. Mục đích của hôn nhân cũng không đạt được vì hiện nay giữa anh Đ và chị L không còn chung sống với nhau đã hơn 02 tháng, trong thời gian đó hai bên cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình. Phía chị L thì cho rằng không thể nào về chung sống với gia đình anh Đ được nữa, yêu cầu anh Đ ra ở riêng bên gia đình chị nhưng không được anh Đ chấp nhận, chị L cũng không còn biện pháp gì khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị L và anh Đ đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện về chia tài sản của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Bùi Văn Đ và chị Đào Thị Trúc L đều thừa nhận vào ngày tổ chức lễ hỏi, gia đình anh Đ có cho chị L số vàng gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ, 02 chiếc vòng tay 04 chỉ, tất cả đều là vàng 24K. Ngoài ra, còn có nhẫn cưới và tiền mua sắm đồ nhưng hai bên không có tranh chấp.

Phía anh Đ yêu cầu chị L phải chia cho anh 04 chỉ trong số 09 chỉ vàng đã nêu, đối với phần đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K anh xin rút lại không yêu cầu chia để cho chị L được quyền sở hữu, còn chị L thì cho rằng cha mẹ anh Đ cho cá nhân chị và cho trước khi kết hôn, chị không đòi hỏi nên không đồng ý chia.

Xét yêu cầu của anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng theo phong tục của ông bà từ xưa thì đôi bông tai là phần tài sản gia đình bên phía họ nhà trai cho cá nhân cô dâu, anh Đ rút lại không yêu cầu chia phần này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với số vàng còn lại, mặc dù trong vụ án này, số vàng được cho vào ngày lễ hỏi, trước khi đăng ký kết hôn nhưng xét việc gia đình hai

bên tổ chức lễ hỏi và cả anh Đ, chị L đều đồng ý thì xem như giữa hai bên đã chấp nhận bắt đầu thời kỳ hôn nhân với nhau. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do lỗi của cả hai bên, không có bên nào có lỗi nhiều hơn. Do đó, anh Đ yêu cầu chia cho mình 04 chỉ vàng 24K là một nửa trong khối tài sản chung 08 chỉ vàng 24K còn lại là phù hợp.

[4] Về nợ chung, tài sản chung khác: Chị L, anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Bùi Văn Đ là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với án phí chia tài sản chung, anh Đ được chia 04 chỉ vàng 24K, được hai bên thống nhất giá trị vào thời điểm xét xử là 4.830.000/1 chỉ nên phải chịu án phí đối với giá trị tài sản mà mình được chia (05%) theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nêu trên.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Đ. Cho anh Bùi Văn Đ được ly hôn với chị Đào Thị Trúc L.

2. Về tài sản: Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn Đ. Buộc chị Đào Thị Trúc L phải chia cho anh Đ 04 (Bốn) chỉ vàng 24K.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, và 966.000 (Chín trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng án phí về chia tài sản. Tổng cộng là 1.266.000 (Một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn) nhưng được trừ vào số tiền 973.375 (Chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005365 ngày 21-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên anh Đ còn phải nộp tiếp 292.625 (Hai trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TH, thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**